

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

Ngành: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Ban hành kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-NTT, ngày 01 tháng 10 năm 2022

của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành

I. THÔNG TIN CƠ BẢN/TUYỂN SINH

1. Tên chương trình đào tạo

Tên tiếng Anh: Finance and Banking

Tên tiếng Việt: Tài chính Ngân hàng

2. Mã ngành:

3. Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia: Thạc sĩ – Bậc 7

4. Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

5. Niên khóa học bắt đầu áp dụng: Từ khóa 2022

6. Tên trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

7. Tên khoa quản lý chương trình: Khoa Tài chính Kế toán

8. Website của chương trình/khoa

Website tiếng Việt: <https://ffa.ntt.edu.vn/>

Website tiếng Anh: <https://ffa.ntt.edu.vn/en/>

9. Tên bằng cấp

Tiếng Việt: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Tiếng Anh: Master in Banking and Finance

10. Vị trí việc làm của học viên tốt nghiệp

TT	Vị trí việc làm	Các công ty, tổ chức tài chính
1	Cán bộ quản lý cấp cao của các định chế tài chính	- Ngân hàng thương mại, Ngân hàng NN
2	Cán bộ quản lý tài chính của các DN, cơ quan Nhà nước	- Các tổ chức tài chính: công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...
3	Chuyên viên tư vấn và phân tích tài chính	- Các cơ quan quản lý Nhà nước

4	Giảng viên, chuyên viên nghiên cứu	- Bộ phận tài chính của các DN - Các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu và các tổ chức khác
---	------------------------------------	---

11. Các năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp

- C.1: Đánh giá chính sách tiền tệ
- C.2: Quản trị hiệu quả hoạt động huy động vốn và tín dụng
- C.3: Thẩm định tài chính và ra quyết định đầu tư
- C.4: Quản trị cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động hoạt động ngân hàng
- C.5: Tuân thủ quy định ngành Tài chính Ngân hàng
- C.6: Phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời

12. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển/Thi tuyển

13. Phương thức đào tạo

- Số tín chỉ: 60 tín chỉ
- Độ dài chương trình: 02 năm
- Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường
- Các thời điểm tiếp nhận học viên: tháng 6 và 12

14. Ngôn ngữ dạy và học: Tiếng Việt

15. Đảm bảo chất lượng

- Các bên liên quan của chương trình: Giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp lành nghề, nhà tuyển dụng, cựu học viên và học viên.

- Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: Thông qua các đợt hội thảo lấy ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua các đợt khảo sát online, đối với học viên còn được lấy phiếu đánh giá khi kết thúc học phần.

- Các mục tiêu chất lượng: Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tổng thể, nghiên cứu nội bộ nhằm thúc đẩy quá trình ra quyết định về đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu, kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực.

- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn Quốc gia ở cấp trường, cấp chương trình:

Tháng 8/2020, trường đạt giấy chứng nhận 4 sao theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM);

Tháng 10/2021, 04 CTĐT đạt giấy chứng nhận theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM), gồm: Kế toán (4 sao), Tài chính Ngân hàng (4 sao);

- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn quốc tế ở cấp trường, cấp chương trình:

Tháng 11/2016, Trường vinh dự trở thành một trong 03 trường Đại học đầu tiên của Việt Nam được tổ chức QS-Stars đánh giá 3 sao;

Tháng 09/2019, 04 CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng bậc đại học đã đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3 sau đợt tiếp đón Đoàn đánh giá AUN-QA lần thứ 159 vào các ngày 11-13/9/2019;

Tháng 10/2019, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đạt chuẩn 4 sao của tổ chức QS Stars Anh Quốc;

Tháng 02/2022, ngành Kế toán đã đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4 sau đợt tiếp đón Đoàn đánh giá AUN-QA lần thứ 255 vào các ngày 17-21/1/2022.

16. Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh

- Giám đốc/Trưởng chương trình: Thái Hồng Thụy Khánh, Tiến sỹ, thtkhanh@ntt.edu.vn , 0908643282

- Phó giám đốc/Phó trưởng chương trình: Trịnh Xuân Hoàng, Tiến sỹ, txhoang@ntt.edu.vn , 0915714095

- Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: Vũ Đức Bình, Tiến sỹ, vdbinh@nrr.edu.vn , 0363878692

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

17. Bối cảnh của chương trình

Các nội dung của mục tiêu CTĐT ngành TCNH phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Điều 5 của Luật GDDH là “Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo”.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa đã lên kế hoạch, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, tổ chức hội thảo thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan để phân tích năng lực ThS TCNH. Để công tác lấy ý kiến và nhu cầu xã hội. Khoa Tài chính Kế toán đã xây dựng một mạng lưới, là các mối liên kết với các Ngân hàng và các công ty, doanh nghiệp trong ngành Kế toán, Tài chính và Ngân hàng; hiện Khoa có hơn 60 doanh nghiệp trong câu lạc bộ Doanh nghiệp của Khoa. Ngoài ra, để xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với thời đại, với thị trường, Hội đồng Khoa học Khoa tham khảo và đối sánh với 02 trường đại học trong nước và 02 trường đại học quốc tế, cùng đối sánh với khung năng lực quốc gia.

Bắt đầu tổ chức đào tạo từ 2018, đến nay CTĐT ngành TCNH bậc Thạc sỹ của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã có hơn 4 năm đào tạo và có hơn 2 khóa học tốt nghiệp. Học viên tham gia CTĐT rất đa dạng về nghề nghiệp như các nhà quản lý đến từ Ngân hàng, các nhà quản lý đến từ nhiều BHXH cấp quận và thành phố, các chủ doanh nghiệp SMEs... Đặc biệt, chương trình đã đào tạo các học viên quốc tế đến từ Lào. Khoa cũng chú trọng đến các hoạt động hỗ trợ cho các học viên nâng cao năng lực nghiên cứu và hội nhập quốc tế, Khoa thường tổ chức các workshop với các trường, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các đối tác thân thiết là trường MUST đến từ Malaysia.

18. Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)

Mục tiêu chung

Đào tạo những nhà quản lý trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng phù hợp với xu

thế và sự thay đổi của thị trường lao động, có đầy đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam cũng như thế giới.

Mục tiêu cụ thể

PEO1: Thành công trong việc hoạch định chiến lược, phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp.

PEO2: Học tập để liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo, đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam và thế giới.

PEO3: Quản lý và phát triển các loại hình kinh doanh và dịch vụ của ngành Tài chính Ngân hàng một cách thành công, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức, khách hàng và đối tác trong và ngoài nước bằng tính chuyên nghiệp, trung thực và năng động.

19. Đối sánh quốc gia, quốc tế

- Các chương trình nước ngoài: 2 trường ĐH của Úc là Chương trình TCNH Trường ĐH Monash và Chương trình Tài chính của ĐH Victoria

- Các chương trình trong nước: Chương trình Tài chính của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM và Chương trình TCNH của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

- Chuẩn quốc tế: Rà soát, cải tiến, kiểm định các chương trình đào tạo học theo tiêu chuẩn AUN-QA, FIBAA.

- Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với khung trình độ Quốc gia

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ 7)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
1	Kiến thức	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- PLO1 (K1): Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng. - PLO2 (K2): Đánh giá khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư. - PLO3 (K3): Phát triển các giải pháp tài chính phù hợp với hoạt động	PLO1, PLO2 và PLO3 bao hàm được hết các nhân tố mà Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã nêu

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ 7)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
			kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.	
2	Kỹ năng	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. - Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	- PLO4 (S1): Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo. - PLO5 (S2): Quản lý hiệu quả các mối quan hệ trong nhóm, trong vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra. - PLO6 (S3): Phát triển kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi. - PLO7 (S4): Quản lý thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hóa. - PLO8 (S5): Thực hiện độc lập các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, trên cơ sở vận dụng các phương	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7 và PLO8 bao hàm được hết các nhân tố mà Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã nêu

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ 7)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
			pháp nghiên cứu chuyên ngành.	
3	Mức tự chủ và trách nhiệm	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	- PLO9 (A1): Tuân thủ pháp luật và các quy định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. - PLO10 (A2): Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	PLO 9 và PLO 10 bao hàm được hết các nhân tố mà Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã nêu

20. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
<u>Kiến thức</u>		
PLO1	Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.	1.1 Áp dụng kiến thức toán, khoa học xã hội nhằm phân tích nhu cầu xã hội, xây dựng quan hệ với các bên liên quan, giải quyết các vấn đề của ngành TCNH 1.2 Vận dụng kiến thức pháp luật, chính trị, kinh tế, tài chính vào ngành TCNH để xác định các định hướng phục vụ đất nước, phát triển kinh tế xã hội 1.3 Vận dụng sự hiểu biết về các vấn đề chính trị, kinh tế, tài chính, tiền tệ đương đại trên khía cạnh thực nghiệm, lý thuyết và các nghiên cứu khoa học để xác định các xu hướng tương lai của ngành TCNH

PLO2	Đánh giá khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư.	2.1 Thu thập thông tin các hoạt động kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ, của Việt Nam; và thu thập thông tin kế toán, tài chính của các bên liên quan. 2.2 Đánh giá về mặt tài chính đối với hoạt động kinh doanh, huy động vốn, và đầu tư của các bên liên quan dựa trên thông tin thu thập thực tế.
PLO3	Phát triển các giải pháp tài chính phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.	3.1 Dự báo xu hướng phát triển của kinh tế, tài chính, tiền tệ trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 3.2 Đề xuất các giải tài chính phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp.
Kỹ năng		
PLO4	Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo.	4.1 Chọn lọc thông tin và xác định các vấn đề kinh doanh, tài chính, tiền tệ trong hoạt động của cơ quan, ngân hàng của doanh nghiệp 4.2 Đánh giá các vấn đề thực tiễn và Đưa ra quyết định lựa chọn các giải pháp phù hợp với thực tiễn trong điều kiện giới hạn ngân sách của cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp
PLO5	Quản lý hiệu quả các mối quan hệ trong nhóm, trong vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra.	5.1 Giao tiếp hiệu quả các mối quan hệ và ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá 5.2 Tổ chức và lãnh đạo nhóm làm việc đạt mục tiêu đề ra
PLO6	Phát triển kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi.	6.1 Sử dụng kỹ năng đàm phán phù hợp với các bên liên quan trong lĩnh vực TCNH 6.2 Tự chủ trong tư duy và linh hoạt trong việc chọn giải pháp phù hợp nhằm thích ứng với mọi sự thay đổi
PLO7	Quản lý thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hoá.	7.1 Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thu thập, lưu trữ, truy cập và phân tích dữ liệu của ngành TCNH 7.2 Quản lý thông tin dữ liệu một cách có hiệu quả

PLO8	Thực hiện độc lập các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	8.1 Xác định đúng các vấn đề cần nghiên cứu và lên kế hoạch nghiên cứu phù hợp trong lĩnh vực TCNH 8.2 Áp dụng hợp lý các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH 8.3 Đưa ra kết luận hợp lý hay đề xuất giải pháp khả thi
<u>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</u>		
PLO9	Tuân thủ pháp luật và các quy định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.	9.1 Tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH 9.2 Ý thức bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững cho địa phương và toàn cầu
PLO10	Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	10.1 Chủ động xây dựng thương hiệu cho cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp. 10.2 Có quan điểm rõ ràng và ý thức sự quan trọng của việc học tập suốt đời 10.3 Đam mê khởi nghiệp

21. Điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

22. Cơ hội học tập lên cao, nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo Tiến sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng nói riêng và các ngành kinh tế nói chung, trong và ngoài nước.

Ngoài ra, học viên cũng có khả năng tham gia học tập và thi lấy các chứng chỉ chuyên ngành Tài chính quốc tế.

III. DẠY VÀ HỌC CHƯƠNG TRÌNH

23. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của nhà trường:

- Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

+ **A:** Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.

+ **B:** Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

+ **C:** Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

+ **D:** Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

Triết lý giáo dục của khoa, của chương trình: Triết lý giáo dục của Trường được chuyển tải cụ thể vào CTĐT bậc Thạc sỹ ngành Tài chính Ngân hàng

Chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng	Triết lý giáo dục của Trường			
	A	B	C	D
Khối kiến thức đại cương	x	x	x	
Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x	x	x
Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu	x	x	x	x
Khối kiến thức tốt nghiệp	x	x	x	x

24. Cách tiếp cận dạy và học

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

Tổ chức giảng dạy theo phương pháp giảng dạy chủ động: lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn, tổ chức hoạt động, chú trọng rèn luyện

học viên phương pháp tự học, phối hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác, kết hợp đánh giá của giảng viên với đánh giá học viên.

Học viên có 1 kỳ thực tập tại các đơn vị kinh doanh nhằm tiếp thu các kỹ năng cũng như vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để áp dụng vào công việc thực tế.

25. Đánh giá học viên

- Đánh giá đầu vào:

Học viên được xét tuyển/thi theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo. Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập

- Đánh giá quá trình:

Tùy theo nhu cầu chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho ít nhất hai cột điểm thành phần của từng môn học. Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng môn học sẽ được tham dự kỳ thi kết thúc môn học theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc làm các bài thuyết trình cá nhân, thuyết trình nhóm tùy theo yêu cầu của từng môn học cụ thể.

Mục đích của việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng môn học, là cơ sở đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kết quả kiểm tra đánh giá giúp người học cải tiến việc học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Để có thể đánh giá kết quả học tập của người học một cách cụ thể thì chương trình đào tạo áp dụng đánh giá theo các Rubric do trường ban hành theo Quyết định số 761/QĐ-NTT ngày 01/11/2018 về việc “Ban hành quy định về đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học”. Cụ thể có các Rubric sau: chuyên cần, thảo luận, thuyết trình, case study, project, tiểu luận, báo cáo khóa luận, đánh giá kiểm tra giữa kỳ, đánh giá kiểm tra cuối kỳ... Việc chọn Rubrics đánh giá hoặc cải tiến Rubrics đánh giá gợi ý do giảng viên giảng dạy chọn lựa hoặc chủ động cải tiến, và được Tổ chuyên môn thông qua khi họp chuyên môn thông qua đề cương học phần của Tổ chuyên môn.

Kế hoạch đánh giá của từng học phần được thông báo ở buổi học đầu tiên; lịch đánh giá được thông báo trước các kỳ thi 2 tuần. Đáp án và thang điểm được gửi qua trang E-learning sau kỳ thi. Đối với kỳ thi cuối môn học, giảng viên phụ trách học phần biên soạn đề thi theo cấu trúc do khoa qui định. Đề thi luôn được đính kèm bản phân tích đối sánh câu hỏi của đề thi và các CLOs, đáp án chi tiết và thang điểm. Giảng viên gửi đề thi và phân đính kèm đề bộ môn phê duyệt. Sau đó đề thi được gửi đến phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng để nhân bản và niêm phong, chuyển đến phòng thi. Những quy định này được giảng viên của chương trình thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

- Đánh giá đầu ra:

Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.

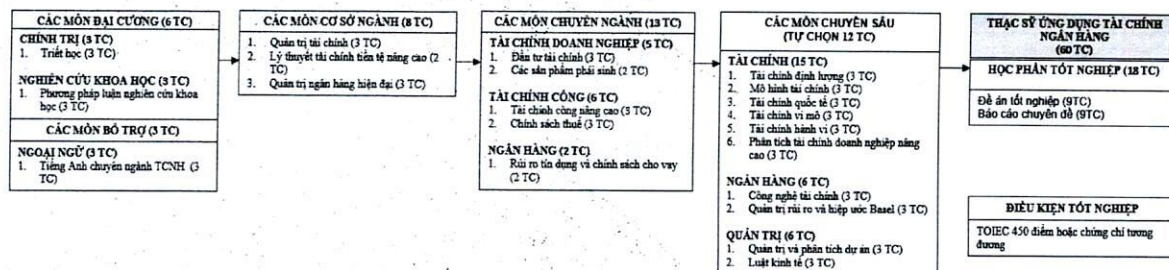
Có đơn xin bảo vệ luận văn thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là luận văn/đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ luận văn.

Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.

Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

Điểm bảo vệ đạt từ 5.5 điểm và đạt đủ các điều kiện tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

26. Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình



27. Sự đóng góp của các môn học cho PLOs

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay nâng cao;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức nâng cao, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra											Tổng
				PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (S ₁)	PLO ₅ (S ₂)	PLO ₆ (S ₃)	PLO ₇ (S ₄)	PLO ₈ (S ₅)	PLO ₉ (A ₁)	PLO ₁₀ (A ₂)		
1	073318	Triết học	3	I			I	I				I	I	5	
2	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	I	I	I	P	P		I	I	I	I	9	
3	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	P			I	P	I			I	I	6	
4	076207	Quản trị tài chính	3	P	P	I	P	P		I	I	I		8	
5	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	P	I		I	P	I		I	I		7	
6	077253	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	P	P	I	P	P	I		I	P	I	9	
7	077254	Đầu tư tài chính	3		P	P	P	P	P	P		P	P	8	
8	077255	Các sản phẩm phái sinh	2	P	P	I	P	P	P	P		P	P	9	
9	077256	Chính sách thuế	3	P	P	P	P	P	P	I		P		8	
10	077257	Tài chính công nâng cao	3	P	P	P	P	P	P		P	P		7	
11	077258	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2		P	P	P	P	P	I	P	P		8	
12	077259	Tài chính định lượng	3	M	P	M	P	P		M	M		P	8	
13	077260	Mô hình tài chính	3	M	M	P	P	P		P	M	P		8	
14	001476	Tài chính quốc tế	3	M	M	P	P	P			P	M	M	8	
15	077262	Tài chính vi mô	3	M	M	P	M	P	P	P	P	M		9	
16	077263	Tài chính hành vi	3	P	M	P	M		M		P	P	M	8	
17	077264	Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	M	M	P	P	P		P	P	P		8	
18	077265	Công nghệ tài chính	3	P	M	M	P	P		M	P	P	M	9	
19	077266	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel	3		M	M	M	M	P	P		M		7	
20	077267	Quản trị và phân tích dự án	3	M	M	M		M	M	P	M	P	M	9	
21	077268	Luật kinh tế	3	P			M	M	M			M	P	6	
22	077270	Báo cáo chuyên đề	9	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	10	
23	077269	Đề án tốt nghiệp	9	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	10	
Tổng				20	20	19	22	21	16	15	16	22	15	184	

28. Chương trình phân bổ theo học kỳ

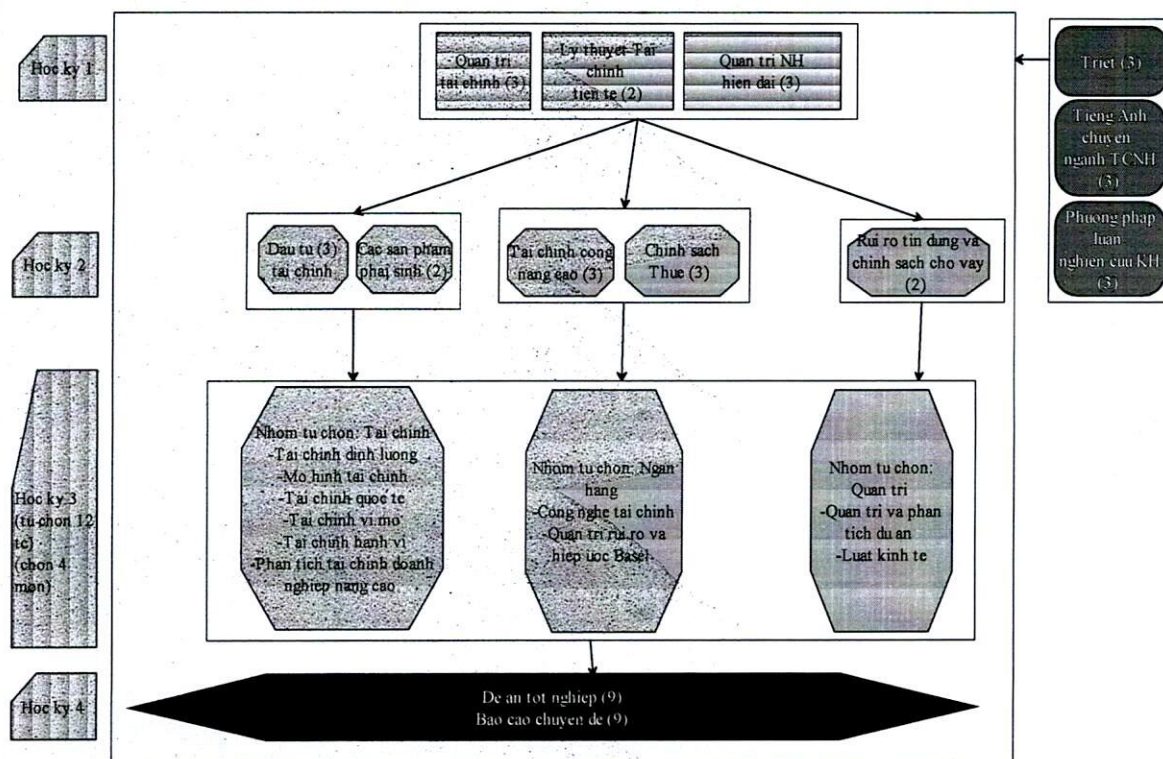
TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết	Phương pháp	Phương pháp
----	-------	--------------	---------	---------	-------------	-------------

				LT	TH	Tự học	giảng dạy	kiểm tra đánh giá
HỌC KỲ 1			17	255	0	455		
1	073318	Triết học	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Bài thi tự luận
2	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Bài thi tự luận
3	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
5	076207	Quản trị tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
6	077253	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
HỌC KỲ 2			13	210	0	455		
1	077254	Đầu tư tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
2	077255	Các sản phẩm phái sinh	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
3	077256	Chính sách thuế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	077257	Tài chính công nâng cao	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
5	077258	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
HỌC KỲ 3 (Chọn 4 trong 11 học phần)			12	180	0	420		
1	077259	Tài chính định lượng	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
2	077260	Mô hình tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
3	001476	Tài chính quốc tế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	077262	Tài chính vi mô	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
5	077263	Tài chính hành vi	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
6	077264	Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
7	077265	Công nghệ tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
8	077266	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
9	077267	Quản trị và phân tích dự án	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
10	077268	Luật kinh tế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiêu luyện
HỌC KỲ 4			18	0	540	540		
1	077269	Đề án tốt nghiệp	9	0	270	270	Trải nghiệm thực tế	Bài luận
2	077270	Báo cáo chuyên đề	9	0	270	270	Trải nghiệm thực tế	Đồ án

29. Lộ trình học tập



30. Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của học viên

Chất lượng học tập của sinh viên được đánh giá qua điểm các môn học và cơ chế đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs). Việc đạt được PLOs

của sinh viên được đánh giá bằng phiếu tự đánh giá sau khi sinh viên hoàn tất chương trình. Bên cạnh đó, cũng phân tích ý kiến đánh giá phản hồi của doanh nghiệp đối với sinh viên trong kỳ thực tập và có cơ chế theo dõi mức đạt PLOs của sinh viên dựa trên kết quả môn học.

IV. ĐIỀU KIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

31. Môi trường học tập của nhà trường và khoa

- Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình:

Các cơ sở đào tạo của Trường

STT	Tên, địa chỉ cơ sở	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính: 300A Nguyễn Tất Thành	8,634
2	298A Nguyễn Tất Thành	7,928
3	331 - An Phú Đông Q.12	31,082

Các khu vực học tập và hệ thống phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	297	22656 m ²	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	5938 m ²	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	5,015 m ²	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	142	13,294 m ²	
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	136	6,227 m ²	
1.5	Phòng học đa phương tiện	34	2,589 m ²	
1.6	Phòng máy tính	19	1,007 m ²	
1.7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	5,158 m ²	
2	Phòng chức năng			
2.1	Xưởng, phòng thực hành, thực tập, luyện tập	88	8,225 m ²	
2.2	Phòng thí nghiệm/thực nghiệm	55	5,583 m ²	
2.3	Phòng tập thể thao đa năng	2	345 m ²	
2.4	Văn phòng làm việc	100	3,416 m ²	
3	Các khu vực khác			
3.1	Ký túc xá	62	3,378 m ²	
3.2	Sân vận động	1	1,250 m ²	

Thông tin thư viện

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Phòng đọc sách		4,814 m ²	
2	Phòng nghiên cứu			
3	Phòng hội nghị			
4	Phòng tập gym			
5	Khu tự học			
6	Phòng học nhóm			
7	Nhà sách			
8	Phòng đa phương tiện			
9	Phòng nghiên cứu khoa học			
10	Văn phòng thư viện			
11	Kho			

Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học: SPSS, Eviews, E-Learning (LMS, LCMS)

Cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
1	ProQuest	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
2	SpringerLink	Đăng nhập tài khoản
3	IEEE Xplore	Đăng nhập tài khoản
4	ScienceDirect	Đăng nhập tài khoản
5	Scopus	Đăng nhập tài khoản
6	SAGE e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
7	Emerald e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
8	Springer Nature	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
9	IG Publishing eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
10	Directory of Open Access Book	Truy cập không cần đăng nhập
11	Directory of Open Access Journal	Truy cập không cần đăng nhập
12	Open Textbook Library	Truy cập không cần đăng nhập
13	BCCampus Open Textbook	Truy cập không cần đăng nhập
14	Credo Reference	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
15	Spinger eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
16	Elsevier eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
17	Bộ Cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính – Vĩ mô	Truy cập tại NTTU

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
	của FiinPro (Gồm dữ liệu của 3200 doanh nghiệp, trong đó có 1700 doanh nghiệp đã niêm yết, 1500 doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết)	

32. Hệ thống hỗ trợ học viên

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
1	Đào tạo	Viện Đào tạo Sau đại học:	Thư ký khoa:
	Tư vấn học thuật	- Cung cấp thông tin về CTĐT, quy chế đào tạo; - Hỗ trợ đăng ký học, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; - Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của học viên và cung cấp bảng điểm cho sinh viên; - Cảnh báo học vụ khi sinh viên có kết quả học tập kém, đăng ký học phần quá ít, có nguy cơ không thể tốt nghiệp, không thể tốt nghiệp đúng hạn; - Hỗ trợ học viên các thủ tục về miễn giảm học phí, xác nhận học viên để vay vốn ngân hàng, chính sách học bổng; - Cấp bằng cho học viên tốt nghiệp.	- Hỗ trợ học viên đăng ký học phần, đăng ký học phần thay thế, học lại, học cải thiện, học vượt. - Lưu trữ kết quả học tập của học viên.
		Phòng Khoa học công nghệ:	Giảng viên:

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		- Hỗ trợ học viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học; - Giới thiệu cho học viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học; - Hướng dẫn cách thức công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.	- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học viên. - Tổ chức các chuyên đề hỗ trợ học viên nghiên cứu khoa học như: cách tìm kiếm thông tin, lựa chọn đề tài, thu thập, xử lý số liệu và viết báo cáo.
		Phòng Công tác sinh viên: Quản lý các câu lạc bộ, đội, nhóm học thuật và phi học thuật.	Thư ký khoa và Cố vấn học tập: Hướng dẫn học viên về các quy định, quy chế, quy trình của nhà trường.
		Viện đào tạo E-learning: - Hướng dẫn học viên về kỹ thuật học tập trực tuyến; - Hỗ trợ học viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến.	Thư ký khoa: - Hỗ trợ mở lớp online và thông báo cho học viên. Giảng viên: - Hướng dẫn và thực hiện giảng dạy online cho học viên.
2	Tài chính và học bổng	Phòng Công tác sinh viên: - Thông tin, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các hồ sơ liên quan đến chính sách miễn giảm học phí cho học viên; - Cấp học bổng học tập cho học viên theo quy định.	Giảng viên: - Hỗ trợ học viên tìm kiếm việc làm và học bổng. - Tìm kiếm các nhà tài trợ học bổng cho học viên có kết quả học tập tốt.

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
3	Giới thiệu cơ hội thăng tiến và khởi nghiệp	Phòng Quan hệ doanh nghiệp và việc làm sinh viên: - Hỗ trợ học viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp; - Tổ chức các ngày hội tuyển dụng; - Tìm kiếm các đơn vị tài trợ học bổng cho học viên; - Tổ chức các khóa học khởi nghiệp, các cuộc thi khởi nghiệp, hỗ trợ học viên tham gia các dự án khởi nghiệp.	Giảng viên, nhân sự phụ trách công tác Quan hệ doanh nghiệp: - Kết nối và phát triển mạng lưới doanh nghiệp. - Giới thiệu việc làm và học bổng cho học viên. - Phát triển mạng lưới giảng viên doanh nhân.
4	Ký túc xá	Phòng Công tác sinh viên: - Hỗ trợ học viên tìm kiếm nhà trọ.	Giảng viên, thư ký khoa: - Giới thiệu nơi ở cho học viên.
5	Chăm sóc sức khỏe và đời sống	Phòng Công tác sinh viên: - Tư vấn và chăm sóc sức khỏe học viên; - Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe học viên: vệ sinh trường học, phòng ngừa dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ.	Giảng viên: - Nhắc nhở HV mua BHYT để giảm thiểu chi phí khi có bệnh tật, tại nạn...không may khi xảy ra. - Nhắc nhở HV luôn mang khẩu trang, rửa tay... khi đến trường, vào lớp học, cũng như đến liên hệ các phòng ban trong trường.
6	Thư viện	Thư viện: - Quản lý và cung cấp giáo	Cấp Khoa: - Định kỳ hàng năm khi xây

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		trình, tài liệu tham khảo, nguồn học liệu; - Hỗ trợ học viên mượn tài liệu học tập; - Cung cấp dịch vụ thư viện điện tử; cơ sở dữ liệu quốc tế.	dựng đề cương môn học đều cập nhật lại giáo trình, tài liệu tham khảo trong thời hạn đủ 5 năm tính đến thời điểm xây dựng CTĐT để yêu cầu Thư viện mua bổ sung, cập nhật lại giáo trình, tài liệu tham khảo dạng sách, file mềm hay ebook. - Giảng viên cung cấp thông tin các giáo trình, tài liệu đang có trong Thư viện để học viên tham khảo.
7	Hỗ trợ học viên quốc tế	Trung tâm hỗ trợ học viên quốc tế: - Hỗ trợ sinh viên làm hồ sơ visa, hồ sơ đăng ký học tập và tạm trú tại Việt Nam; - Phối hợp với Viện Sau đại học, khoa, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ học viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường; - Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa; - Tổ chức các sự kiện văn hóa	Thư ký Khoa: - Hỗ trợ các công việc phát sinh tạo điều kiện để học viên quốc tế hoàn thành chương trình đào tạo, sinh hoạt và giao lưu cộng đồng. Cố vấn học tập: - Tư vấn học tập - Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng và các vướng mắc của học viên để hỗ trợ kịp thời.

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		cho sinh viên quốc tế;	

V. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

33. Ngày ban hành bản mô tả chương trình

34. Ngày cập nhật cuối cùng

Phụ lục I

Mô tả tóm tắt của các môn học

Triết học: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong chương trình đào tạo), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó về mặt lý thuyết, thực hành (cách thức xác định như chuẩn đầu ra).

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung phương pháp nghiên cứu hỗ trợ cho việc viết đề cương chi tiết và luận văn trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đặc biệt chú trọng vào quy trình thiết kế nghiên cứu cho cấu trúc bài viết nghiên cứu khoa học. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày cấu trúc của một bài viết đề khái quát hóa các nội dung cần thiết của một nghiên cứu học thuật. Nội dung thứ hai làm rõ một số từ khóa trong cấu trúc nghiên cứu. Nội dung thứ ba giới thiệu cách thức xây dựng một quy trình thiết kế nghiên cứu. Và nội dung cuối cùng vận dụng một số kỹ thuật nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng liên quan để phân tích một số bài tập tình huống và mô hình nghiên cứu mẫu. Ngoài ra, môn học sẽ sử dụng phần mềm SPSS, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê để ước lượng các tham số trong mô hình nghiên cứu định lượng.

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng: 3 tín chỉ

Môn học những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học, sinh viên có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách phân tích tài chính của một Công ty.

Quản trị tài chính: 3 tín chỉ

Học phần Quản Trị tài chính doanh nghiệp nâng cao bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này là các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, dự toán tài chính; Phân tích và ra quyết định đầu tư dài hạn.... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao: 2 tín chỉ

Môn học tập trung trình bày những vấn đề chuyên sâu về lý thuyết Tài chính, chính sách Tiền tệ, và hoạt động ngân hàng, những vấn đề có tính nguyên tắc, những quy luật về tiền tệ, cũng như hoạt động điều hành ngân hàng.

Học viên cũng được trang bị kiến thức về cơ cấu của Ngân hàng trung ương và cách mà Ngân hàng trung ương quản lý cung tiền. Học phần cũng giúp người học nghiên cứu sâu về vấn đề lạm phát.

Quản trị ngân hàng hiện đại: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị ngân hàng, giới thiệu chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng nâng cao. Học phần chú trọng vào các nội dung quản trị tín dụng, tài sản và nợ, thanh khoản và rủi ro hoạt động theo chuẩn mực Basel. Học phần cũng cung cấp việc vận dụng chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

Đầu tư tài chính: 3 tín chỉ

Môn học Đầu tư tài chính gồm 5 chương cung cấp những kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại, định giá và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và phân tích thị trường tài chính. Học viên được cung cấp kiến thức và công cụ đo lường đánh giá rủi ro đầu tư và các mô hình xác định tỷ suất sinh lời yêu cầu trên cơ sở đo lường định lượng rủi ro của khoản đầu tư; thực hành tổng hợp các kiến thức quản trị tài chính, nguyên lý thị trường tài chính để định giá cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn; kiến thức về đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư.

Các sản phẩm phái sinh: 2 tín chỉ

Học phần này giới thiệu những nội dung cơ bản về tài chính phái sinh, một số sản phẩm tài chính phái sinh cơ bản và thị trường tài chính phái sinh Việt Nam. Học phần nhấn mạnh việc nắm vững các nguyên lý tài chính, áp dụng các lý thuyết và mô hình tài chính vào thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tài chính công nâng cao: 3 tín chỉ

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Đồng thời nghiên cứu ngân sách của Nhà nước và cách thức tài trợ thâm hụt ngân sách.

Chính sách thuế: 3 tín chỉ

Môn học Chính sách thuế xem xét, phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp. Ở bậc đào tạo cao học, môn Chính sách thuế nhằm hướng đến việc phát triển chính sách thuế tại một quốc gia với tư cách một công cụ tài chính của chính phủ trong điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Môn học Chính sách thuế không chỉ cần thiết cho những người làm chính sách mà cần cho cả những doanh nhân và các nhà quản trị doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay: 2 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về rủi ro rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, chính sách cho vay, phân tích tín dụng, xếp hạng tín dụng, quản trị rủi ro tín

dụng và 4 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Tài chính định lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung sử dụng phương pháp định lượng trong tài chính, suy luận và xác định các mô hình hồi quy tuyến tính trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính; đặc biệt chú trọng vào lý thuyết kinh tế lượng, kinh tế lượng ứng dụng giải quyết các vấn đề tài chính thông qua việc giải thích các kết quả ước lượng. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày tóm lược phương pháp thống kê trong tài chính và giới thiệu lý thuyết mẫu lớn. Nội dung thứ hai tập trung các vấn đề kỹ thuật của phương trình tuyến tính bao gồm mô hình không chuẩn, sai số đo lường và tham số nội sinh. Các chủ đề thường bao gồm các phương trình biến công cụ và dữ liệu bảng. Môn học sẽ sử dụng phần mềm STATA, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê và kinh tế lượng. Phần nội dung sau cùng của môn học trình bày các mô hình định giá tài sản vốn CAPM truyền thống và hiện đại trong lĩnh vực thị trường tài chính và vận dụng trên phần mềm EXCEL, bao gồm các kỹ thuật khảo sát dữ liệu thị trường tài chính, ứng dụng mô hình CAPM trong việc phân tích tỷ suất sinh lời, danh mục đầu tư và rủi ro.

Mô hình tài chính: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung mô hình hóa ba hoạt động tài chủ yếu của doanh nghiệp: đầu tư, sản xuất kinh doanh và nguồn tài trợ để giải thích sự vận hành của doanh nghiệp theo một cơ chế tài chính hiện tại và xác định giá trị thị trường của tài sản vốn. Các kỹ thuật và công cụ được sử dụng kế thừa từ nền tảng lý thuyết đầu tư, trong đó hai định đề quan trọng là chi phí vốn và đòn bẩy tài chính cần được thiết lập dựa trên sự cân bằng cấu trúc vốn để làm rõ các quan điểm của các bên tham gia góp vốn để hình thành tài sản đầu tư hoặc một kênh đầu tư tài chính, do đó các nội dung thực hiện cần sự trợ giúp của phần mềm EXCEL để phân tích hiệu quả tài sản vốn.

Tài chính quốc tế: 3 tín chỉ

Môn học Tài chính quốc tế cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế, tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất - lạm phát - tỷ giá; dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia.

Tài chính vi mô: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về TCVM như thị trường TCVM, khách hàng mục tiêu của TCVM, các sản phẩm dịch vụ và nhà cung cấp TCVM, các thông lệ tốt nhất về quản trị TCVM, chính sách và phát triển bền vững TCVM... Bên cạnh đó, học viên cũng được cung cấp các công cụ đo lường và đánh giá rủi ro, hiệu quả của hoạt động TCVM.

Ngoài học phần lý thuyết, môn học cũng được thiết kế với các chủ đề thảo luận phong phú nhằm tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực TCVM, cũng như trang bị cho học viên năng lực nghiên cứu khoa học, trao đổi khả năng tự học suốt đời.

Tài chính hành vi: 3 tín chỉ

Học phần tài chính hành vi sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính hành vi trong các quyết định tài chính. Qua đó có thể giải thích các bất thường trên thị trường tài chính, giải thích được ảnh hưởng của sự quá tự tin trong các quyết định tài chính, tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm lý thuyết phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp bao gồm tình hình huy động vốn, sử dụng nguồn vốn, tình hình tài trợ và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán... và bài tập lớn nhằm ôn tập tổng hợp lại kiến thức tài chính đã học và vận dụng vào lập dự toán tài chính có tính ứng dụng trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, kỹ năng tin học vào giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Công nghệ tài chính: 3 tín chỉ

Học phần khái quát về nền tảng và hiện tượng các nền tảng công nghệ tài chính đứng sau các mô hình kinh doanh. Với sự bùng nổ về công nghệ, học phần sẽ giúp người học hiểu và ứng dụng được các mô hình nền tảng platform, từ đó phát triển, triển khai và quản lý các giải pháp và dịch vụ ngân hàng.

Học phần cung cấp cho học viên một góc nhìn toàn diện về lĩnh vực Công nghệ tài chính – FinTech bằng cách đặt ra bối cảnh và giải thích ý nghĩa thực sự của khái niệm FinTech.

Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 4 chương trình bày các kiến thức về quản trị NHTM, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hiệp ước Basel II, ôn tập các kiến thức đã học và 3 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Quản trị và phân tích dự án: 3 tín chỉ

Môn học trang bị các kỹ năng cần có cho một nhà quản lý dự án, cách thức quản lý nguồn lực để quản lý dự án; học viên được cung cấp những phương thức, công cụ hữu hiệu để đối phó với các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án.

Luật kinh tế: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức tổng quan về luật kinh tế, đàm phán và ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa, nhận diện rủi ro trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và rèn luyện cho học viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật; kỹ năng soạn thảo hợp đồng, các kỹ năng pháp luật liên quan đến quản lý, điều hành công ty và giải quyết tranh chấp kinh doanh phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

Phụ lục II:

Bản mô tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học trong chương trình

Học viên xem tài khoản cá nhân trên trang web: phongdaotao.ntt.edu.vn

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		cho sinh viên quốc tế;	

V. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

33. Ngày ban hành bản mô tả chương trình

34. Ngày cập nhật cuối cùng

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Lâm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. THÁI HỒNG THUY KHÁNH

Phụ lục I

Mô tả tóm tắt của các môn học

Triết học: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong chương trình đào tạo), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó về mặt lý thuyết, thực hành (cách thức xác định như chuẩn đầu ra).

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung phương pháp nghiên cứu hỗ trợ cho việc viết đề cương chi tiết và luận văn trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đặc biệt chú trọng vào quy trình thiết kế nghiên cứu cho cấu trúc bài viết nghiên cứu khoa học. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày cấu trúc của một bài viết để khái quát hóa các nội dung cần thiết của một nghiên cứu học thuật. Nội dung thứ hai làm rõ một số từ khóa trong cấu trúc nghiên cứu. Nội dung thứ ba giới thiệu cách thức xây dựng một quy trình thiết kế nghiên cứu. Và nội dung cuối cùng vận dụng một số kỹ thuật nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng liên quan để phân tích một số bài tập tình huống và mô hình nghiên cứu mẫu. Ngoài ra, môn học sẽ sử dụng phần mềm SPSS, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê để ước lượng các tham số trong mô hình nghiên cứu định lượng.

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng: 3 tín chỉ

Môn học những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học, sinh viên có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách phân tích tài chính của một Công ty.

Quản trị tài chính: 3 tín chỉ

Học phần Quản Trị tài chính doanh nghiệp nâng cao bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này là các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, dự toán tài chính; Phân tích và ra quyết định đầu tư dài hạn.... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao: 2 tín chỉ

Môn học tập trung trình bày những vấn đề chuyên sâu về lý thuyết Tài chính, chính sách Tiền tệ, và hoạt động ngân hàng, những vấn đề có tính nguyên tắc, những quy luật về tiền tệ, cũng như hoạt động điều hành ngân hàng.

Học viên cũng được trang bị kiến thức về cơ cấu của Ngân hàng trung ương và cách mà Ngân hàng trung ương quản lý cung tiền. Học phần cũng giúp người học nghiên cứu sâu về vấn đề lạm phát.

Quản trị ngân hàng hiện đại: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị ngân hàng, giới thiệu chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng nâng cao. Học phần chú trọng vào các nội dung quản trị tín dụng, tài sản và nợ, thanh khoản và rủi ro hoạt động theo chuẩn mực Basel. Học phần cũng cung cấp việc vận dụng chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

Đầu tư tài chính: 3 tín chỉ

Môn học Đầu tư tài chính gồm 5 chương cung cấp những kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại, định giá và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và phân tích thị trường tài chính. Học viên được cung cấp kiến thức và công cụ đo lường đánh giá rủi ro đầu tư và các mô hình xác định tỷ suất sinh lời yêu cầu trên cơ sở đo lường định lượng rủi ro của khoản đầu tư; thực hành tổng hợp các kiến thức quản trị tài chính, nguyên lý thị trường tài chính để định giá cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn; kiến thức về đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư.

Các sản phẩm phái sinh: 2 tín chỉ

Học phần này giới thiệu những nội dung cơ bản về tài chính phái sinh, một số sản phẩm tài chính phái sinh cơ bản và thị trường tài chính phái sinh Việt Nam. Học phần nhấn mạnh việc nắm vững các nguyên lý tài chính, áp dụng các lý thuyết và mô hình tài chính vào thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tài chính công nâng cao: 3 tín chỉ

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Đồng thời nghiên cứu ngân sách của Nhà nước và cách thức tài trợ thâm hụt ngân sách.

Chính sách thuế: 3 tín chỉ

Môn học Chính sách thuế xem xét, phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp. Ở bậc đào tạo cao học, môn Chính sách thuế nhằm hướng đến việc phát triển chính sách thuế tại một quốc gia với tư cách một công cụ tài chính của chính phủ trong điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Môn học Chính sách thuế không chỉ cần thiết cho những người làm chính sách mà cần cho cả những doanh nhân và các nhà quản trị doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay: 2 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về rủi ro tín dụng và rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, chính sách cho vay, phân tích tín dụng, xếp hạng tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng và 4 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Tài chính định lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung sử dụng phương pháp định lượng trong tài chính, suy luận và xác định các mô hình hồi quy tuyến tính trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính; đặc biệt chú trọng vào lý thuyết kinh tế lượng, kinh tế lượng ứng dụng giải quyết các vấn đề tài chính thông qua việc giải thích các kết quả ước lượng.

Nội dung thứ nhất của môn học trình bày tóm lược phương pháp thống kê trong tài chính và giới thiệu lý thuyết mẫu lớn. Nội dung thứ hai tập trung các vấn đề kỹ thuật của phương trình tuyến tính bao gồm mô hình không chuẩn, sai số đo lường và tham số nội sinh. Các chủ đề thường bao gồm các phương trình biến công cụ và dữ liệu bảng. Môn học sẽ sử dụng phần mềm STATA, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê và kinh tế lượng. Phần nội dung sau cùng của môn học trình bày các mô hình định giá tài sản vốn CAPM truyền thống và hiện đại trong lĩnh vực thị trường tài chính và vận dụng trên phần mềm EXCEL, bao gồm các kỹ thuật khảo sát dữ liệu thị trường tài chính, ứng dụng mô hình CAPM trong việc phân tích tỷ suất sinh lời, danh mục đầu tư và rủi ro.

Mô hình tài chính: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung mô hình hóa ba hoạt động tài chủ yếu của doanh nghiệp: đầu tư, sản xuất kinh doanh và nguồn tài trợ để giải thích sự vận hành của doanh nghiệp theo một cơ chế tài chính hiện tại và xác định giá trị thị trường của tài sản vốn. Các kỹ thuật và công cụ được sử dụng kế thừa từ nền tảng lý thuyết đầu tư, trong đó hai định đề quan trọng là chi phí vốn và đòn bẩy tài chính cần được thiết lập dựa trên sự cân bằng cấu trúc vốn để làm rõ các quan điểm của các bên tham gia góp vốn để hình thành tài sản đầu tư hoặc một kênh đầu tư tài chính, do đó các nội dung thực hiện cần sự trợ giúp của phần mềm EXCEL để phân tích hiệu quả tài sản vốn.

Tài chính quốc tế: 3 tín chỉ

Môn học Tài chính quốc tế cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế, tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất - lạm phát - tỷ giá; dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia.

Tài chính vi mô: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về TCVM như thị trường TCVM, khách hàng mục tiêu của TCVM, các sản phẩm dịch vụ và nhà cung cấp TCVM, các thông lệ tốt nhất về quản trị TCVM, chính sách và phát triển bền vững TCVM... Bên cạnh đó, học viên cũng được cung cấp các công cụ đo lường và đánh giá rủi ro, hiệu quả của hoạt động TCVM.

Ngoài học phần lý thuyết, môn học cũng được thiết kế với các chủ đề thảo luận phong phú nhằm tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực TCVM, cũng như trang bị cho học viên năng lực nghiên cứu khoa học, trao đổi khả năng tự học suốt đời.

Tài chính hành vi: 3 tín chỉ

Học phần tài chính hành vi sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính hành vi trong các quyết định tài chính. Qua đó có thể giải thích các bất thường trên thị trường tài chính, giải thích được ảnh hưởng của sự quá tự tin trong các quyết định tài chính, tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm lý thuyết phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp bao gồm tình hình huy động vốn, sử dụng nguồn vốn, tình hình tài trợ và đảm bảo nguồn vốn cho

hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán... và bài tập lớn nhằm ôn tập tổng hợp lại kiến thức tài chính đã học và vận dụng vào lập dự toán tài chính có tính ứng dụng trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, kỹ năng tin học vào giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Công nghệ tài chính: 3 tín chỉ

Học phần khái quát về nền tảng và hiện tượng các nền tảng công nghệ tài chính đứng sau các mô hình kinh doanh. Với sự bùng nổ về công nghệ, học phần sẽ giúp người học hiểu và ứng dụng được các mô hình nền tảng platform, từ đó phát triển, triển khai và quản lý các giải pháp và dịch vụ ngân hàng.

Học phần cung cấp cho học viên một góc nhìn toàn diện về lĩnh vực Công nghệ tài chính – FinTech bằng cách đặt ra bối cảnh và giải thích ý nghĩa thực sự của khái niệm FinTech.

Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 4 chương trình bày các kiến thức về quản trị NHTM, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hiệp ước Basel II, ôn tập các kiến thức đã học và 3 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Quản trị và phân tích dự án: 3 tín chỉ

Môn học trang bị các kỹ năng cần có cho một nhà quản lý dự án, cách thức quản lý nguồn lực để quản lý dự án; học viên được cung cấp những phương thức, công cụ hữu hiệu để đối phó với các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án.

Luật kinh tế: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức tổng quan về luật kinh tế, đàm phán và ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa, nhận diện rủi ro trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và rèn luyện cho học viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật; kỹ năng soạn thảo hợp đồng, các kỹ năng pháp luật liên quan đến quản lý, điều hành công ty và giải quyết tranh chấp kinh doanh phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

Phụ lục II:

Bản mô tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học trong chương trình

Học viên xem tài khoản cá nhân trên trang web: phongdaotao.ntt.edu.vn